SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỦ CHI

Số: 1223/QĐ-BVCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Nhơn Tây, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua sắm công cụ dụng cụ và vật tư thay thế lần 3
của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỦ CHI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội (Hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 74/VBHN-VPQH ngày 25/03/2026 của Văn phòng Quốc Hội);

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 36/2026/VBHN-NĐ-BTC ngày 23/9/2026 của Bộ Tài Chính);

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BVCC ngày 8/10/2026 của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi về việc phê duyệt dự toán Mua sắm công cụ dụng cụ và vật tư thay thế lần 3 của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026;

Theo đề nghị của Tổ thầu tại Tờ trình số 425/TTr-TT ngày 13/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc dự toán: Mua sắm công cụ dụng cụ và vật tư thay thế lần 3 của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm công cụ dụng cụ và vật tư thay thế lần 3 của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ thầu, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán và Khoa/Phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TT (THK.02b).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỦ CHI

Nguyễn Tô Bảo Hoàng

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua sắm công cụ dụng cụ và vật tư thay thế lần 3 của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026

(Đính kèm Quyết định số: 1223..../QĐ-BVCC ngày .26..tháng.10..năm 2026)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện Đa khoa Củ Chi	Mua sắm công cụ dụng cụ và vật tư thay thế lần 3 của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026	Mua sắm công cụ dụng cụ và vật tư thay thế	453.770.800	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán)	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	50 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng trọn gói	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không có	Không có
Tổng giá gói thầu				**453.770.800**	***Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng./.***								

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Quyết định số 1223 /QĐ-BVCC ngày 26/ 10 /2026)

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	**CÔNG CỤ DỤNG CỤ**					
1	Xe thay băng	Chi tiết theo phụ lục đính kèm danh mục	Xe	4	9.680.000	38.720.000
2	Xe tiêm	Chi tiết theo phụ lục đính kèm danh mục	Xe	7	9.900.000	69.300.000
3	Xe lăn	Chi tiết theo phụ lục đính kèm danh mục	Xe	10	4.200.000	42.000.000
4	Xe lăn	Kích thước: 105 x 68 x 90 cm. Chỗ ngồi: rộng 50: dài: 40, chiều cao tựa lưng: 41 cm - Trọng lượng 21kg - Khung sườn Inox (độ dày ống 1.2 ly). Bánh mâm cao su đặc chắc bền, vành lăn Inox. Nệm ngồi simily. Có gác chân, tăng giảm được. Có thể xếp gọn, tháo ráp dễ dàng. - Đường kính bánh trước: 17cm. Đường kính bánh sau: 60 cm. Đường kính vòng lăn inox: 54 cm Dùng để đẩy người bệnh. Hoặc tự di chuyển. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Xe	7	4.200.000	29.400.000

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
5 ○	Tủ inox	• Thông số kỹ thuật: • Vật liệu chính: Inox không nhiễm từ SUS 304. • Kích thước: (D x R x C) (800 x 360 x 1.700) mm ±10%. • Khung tủ được làm bằng hộp (25 x 25 x 1) mm ±5%. • Tủ được chia làm 2 phần: Phần khoang trên: Cánh kính trắng dày ≥5mm, có tay nắm và khóa. Các đợt cố định chia thành nhiều ngăn nhỏ. Khoang dưới: Cánh inox. ○ Cao 600mm, phía trong có 01 đợt inox chia khoang làm 01 phần đều nhau. ○ Cánh có tay nắm riêng biệt và khóa. ○ Chân cao > 80mm, có bọc nút cao su êm, trong đó có 1 chân có vít tăng chỉnh.	Cái	1	8.500.000	8.500.000
6	Chén chung Inox	kích cỡ số 3 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6	52.800	316.800
7	Xe đẩy 2 tầng Inox	Được làm bằng Inox 304, chất liệu không rỉ sét, dầy, chắc, 4 bánh xe to chịu được trọng lượng Kích thước: Ngang 80cm,rộng58cm, cao 80cm (Tính từ sàn lên mặt trên mặt trên)	Xe	4	4.800.000	19.200.000
8	Hộp gòn	Hộp gòn nhỏ (phi 7.5xcao 6) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Hộp	9	88.000	792.000

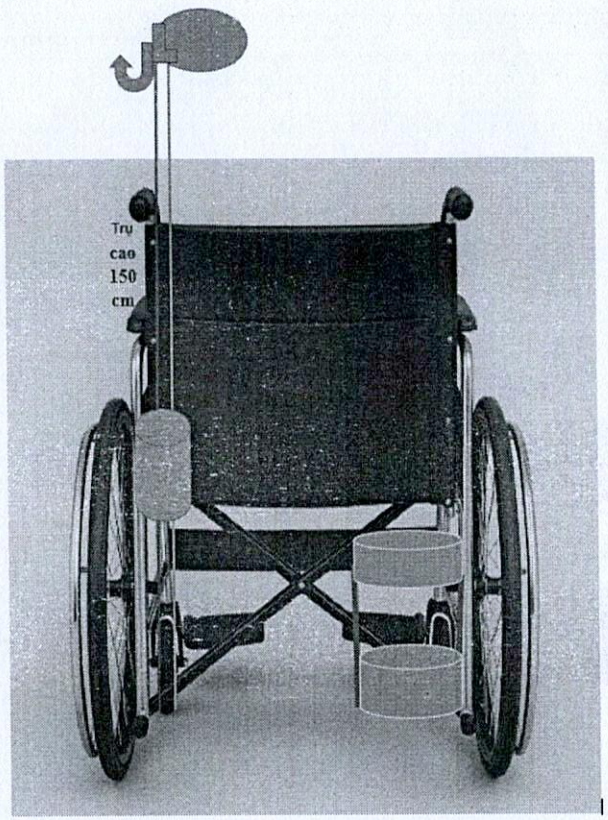
STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
9	Tủ inox	Tủ thuốc y tế inox thường • Vật liệu chính: Inox • Kích thước: (D x R x C) (800 x 360 x 1.700) mm ±10%. • Khung tủ được làm bằng hộp (25 x 25 x 1) mm ±5%. • Tủ được chia làm 2 phần: - Khoang trên:Cao 900 mm, có 2 đợt sàn phẳng bằng inox. 2 cánh lắp kính trắng 5 mm, có khoá chắc chắn. - Khoang dưới:Cao 600mm có 2 cánh bằng inox, có chốt và khoá chắc chắn. ○ Cánh có tay nắm riêng biệt và khóa. ○ Chân cao > 80mm, có bọc nút cao su êm, trong đó có 1 chân có vít tăng chỉnh.	Cái	1	8.500.000	8.500.000
10	Giường thủ thuật/tiểu phẫu TMH	Chất liệu inox SUS 201 hoặc 304 Kích thước: Ngang 600 x Dài 1800 x Cao 700 mm Mặt bàn inox tấm dày 0.7mm Khung, dàn chân inox ϕ 31.8 và 25.4 dày 1mm Tấm nâng đầu inox dày 0.7 mm, điều chỉnh 0 - 60 độ Nâng hạ 2 chiều lên xuống Nệm bọc simili giả da 5 cm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1	7.392.000	7.392.000
II	**VẬT TƯ THAY THẾ**					
11	Cảm biến oxy dùng cho máy thở	Tương thích máy thở Model 840, hãng Covidien * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6	3.000.000	18.000.000
12	Cảm biến lưu lượng dùng cho máy thở	Tương thích máy thở SAVINA 300, hãng Draeger * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6	4.500.000	27.000.000

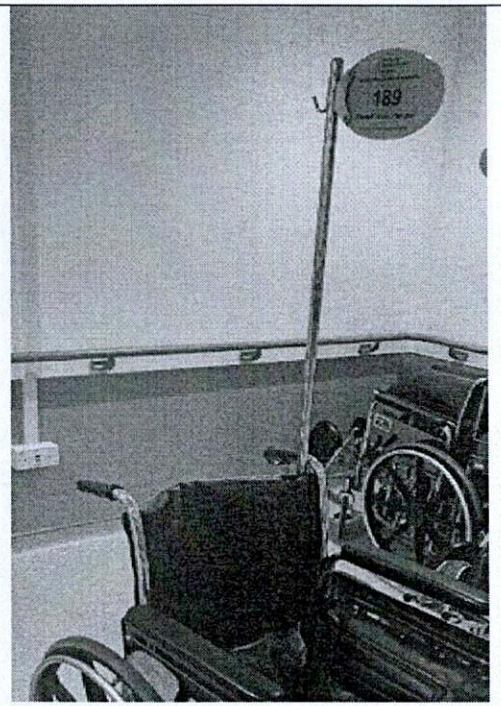
STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
13	Dây điện xung	Tương thích với máy điện xung KWD 808I * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	300	60.000	18.000.000
14	Adapter máy châm cứu	Tương thích với máy điện xung KWD 808I * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	50	300.000	15.000.000
15	Dây điện cực máy kích thích thần kinh cơ	Tương thích với máy Endomed 482 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	6	450.000	2.700.000
16	Núm điện cực máy điện tim	Tương thích với máy đo điện tim ECG 1150, hãng Nihon Kohden * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6	50.000	300.000
17	Dây điện cực máy châm cứu chui tròn (1 dây có 4 điện cực)	Tương thích với máy điện xung KWD 808I * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	200	50.000	10.000.000
18	Dây điện cực máy châm cứu chui tròn (1 dây có 2 điện cực)	Tương thích với máy điện xung KWD 808I * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	300	60.000	18.000.000
19	Dây nguồn sáng (Dây dẫn sáng)	Tương thích với nguồn sáng của hãng kator của Bệnh viện đang sử dụng. Halogen 250 twin	Dây	1	31.500.000	31.500.000
20	Cáng vận chuyển bệnh nhân (cáng tay)	- Kích thước (Dài x Rộng): 2080mm x 550mm (sai số 5%) - Chất liệu: Khung thép sơn tĩnh điện, phần nằm bằng vải bạt. - Chân cáng: chiều cao từ 100mm đến 135 mm, có bọc cao su hoặc nhựa cứng. - Đầu cáng có nắm bọc cao su nhựa cứng, có khía chống trơn trượt. - Cán có thể gấp gọn theo chiều ngang và dọc. - Tải trọng: ≥ 120 kg - Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	4	3.300.000	13.200.000

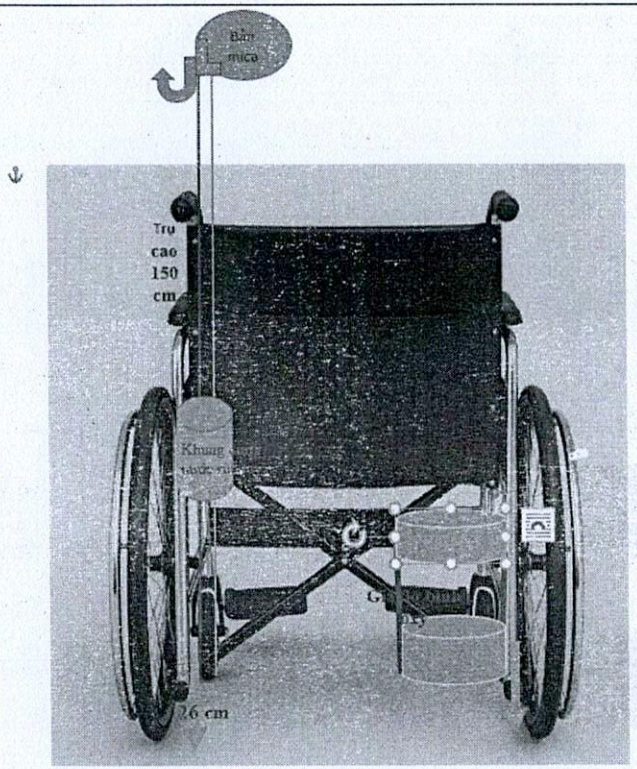
STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
21	Cảm biến oxy dùng cho máy thở	Tương thích máy thở Model C3,G5 hãng Hamilton * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2	3.600.000	7.200.000
22	Van thở ra kèm cảm biến lưu lượng cho máy thở	Tương thích máy thở Carescape R860, hãng GE * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1	5.000.000	5.000.000
23	Cảm biến lưu lượng thở ra dùng cho máy thở	Tương thích máy thở Model 840, hãng Covidien * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6	7.500.000	45.000.000
24	Cảm biến lưu lượng dùng cho máy thở	Tương thích máy thở C300, hãng Drager * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2	4.500.000	9.000.000
25	Ruột huyết áp cơ	Ruột cao su cho máy đo huyết áp cơ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	50	120.000	6.000.000
26	Van huyết áp cơ	Van điều chỉnh khí cho máy đo huyết áp cơ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	30	75.000	2.250.000
27	Bóng đèn hồng ngoại	Bóng đèn hồng ngoại công suất 250W * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	10	150.000	1.500.000
TỔNG CỘNG: 27 KHOẢN						**453.770.800**
Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng./.						

Mô tả cấu hình- thông số kỹ thuật xe lăn

	Mô tả cơ bản	Mô tả hình ảnh	Hình ảnh thực tế
Tổng thể xe lăn	- Kích thước: 105 x 69 x 90 cm. - Khung sườn Inox (độ dày ống 1.2 ly). - Trọng lượng 21kg - Đặc điểm: • Chỗ ngồi: rộng 45: dài: 40, • Chiều cao tựa lưng: 40 cm • Đường kính bánh trước: 17cm. • Đường kính bánh sau: 60 cm. • Đường kính vòng lăn inox: 54 cm • Dùng để đẩy người bệnh. Hoặc tự di chuyển • Bánh mâm cao su đặc chắc bền, vành lăn Inox. Nệm ngồi simily. Có gác chân, tăng giảm được. Có thể xếp gọn, tháo ráp dễ dàng.		

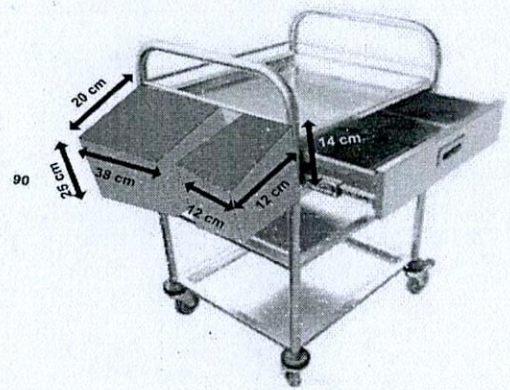
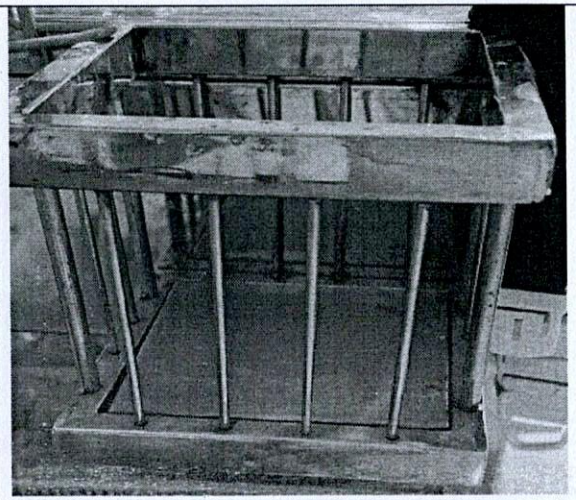
Mặt sau xe lăn	- Vị trí: trụ cây truyền dịch - Cột chính : 1 ống inox đứng, hàn cố định vào chân đế. - Số lượng: 01 cây Kích thước: (dài x rộng x cao): 150 x 2.5 x 150cm. - Móc treo dịch truyền: 2 móc, bắt vào đỉnh ống trượt bằng ốc. - 1 bản meca hình tròn, được gắng vào đỉnh ống		

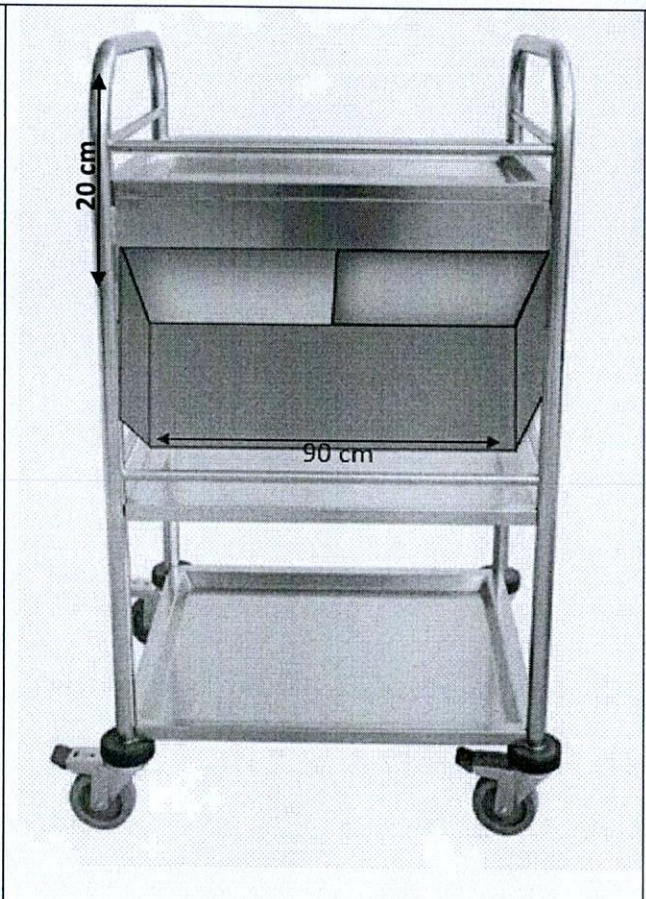
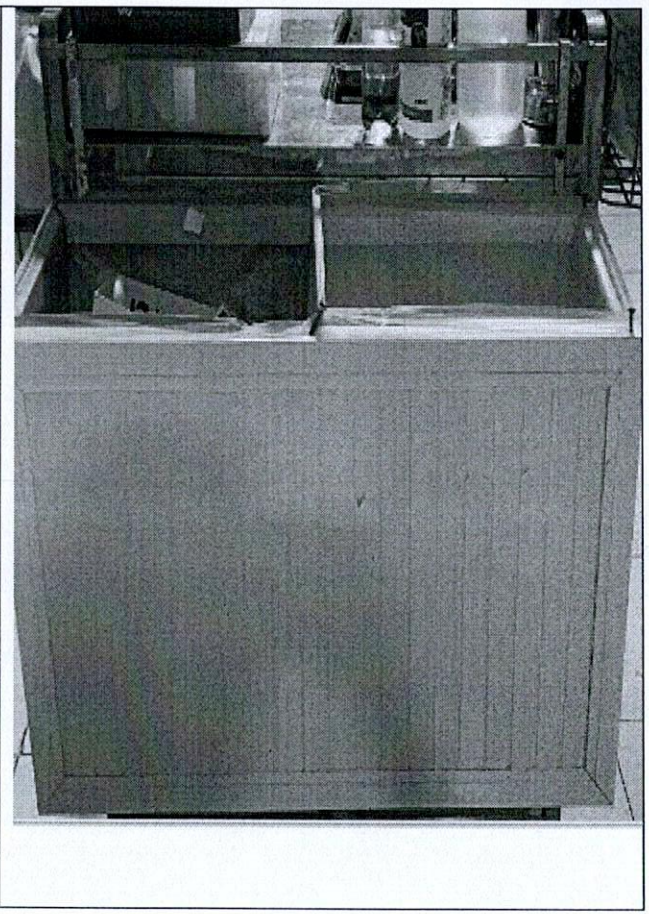
			

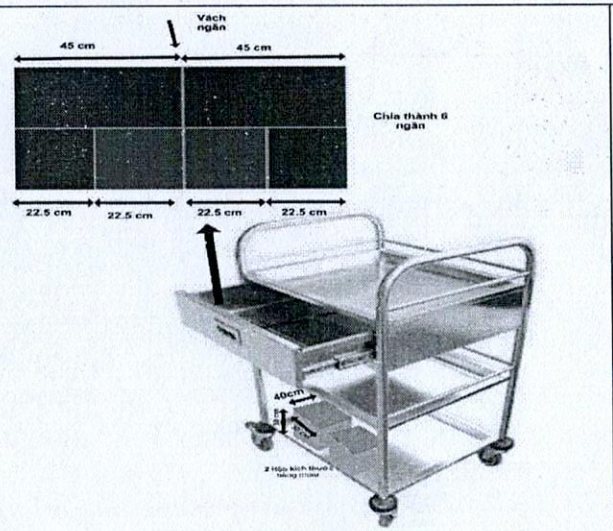
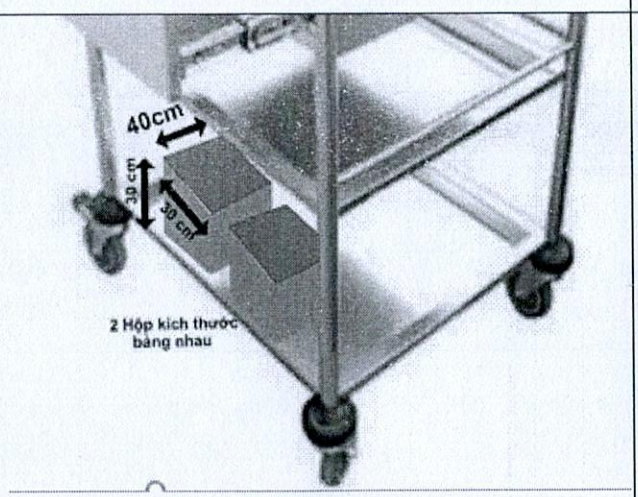
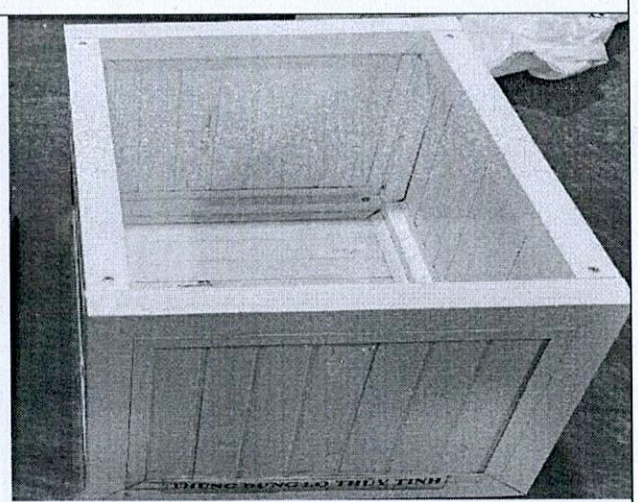
Mặt sau xe lăn	- Giá đỡ chân xe lăn: - Số lượng : 2 giá - Vị trí: nối giữa 2 ống khung dọc cách mặt đất khoảng 3-5 cm. - Kích thước: dài 26 cm Bên phải: có giá đỡ bình oxy được gắng vào giá đỡ chân xe lăn. Bên trái: trụ cây giá truyền dịch được gắng vào giá đỡ chân xe lăn, trên cây có bình sát khuẩn tay nhanh, Móc treo dịch truyền: 2 móc, bắt vào đỉnh ống trượt bằng ốc, 1 bản meca hình tròn, được gắng vào đỉnh ống.		

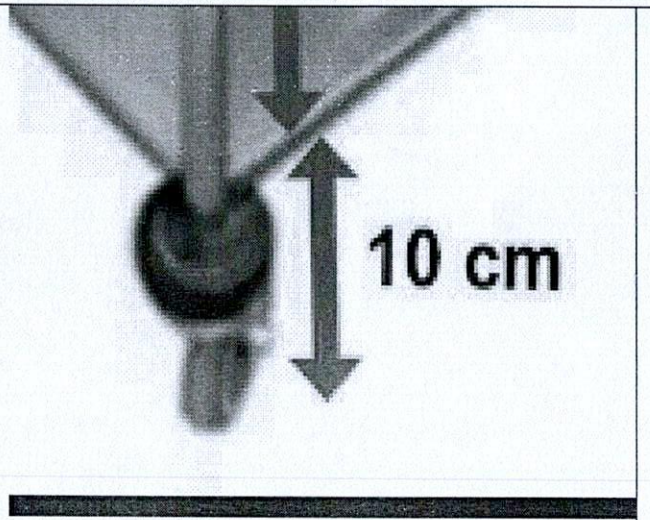
Mô tả cấu hình- thông số kỹ thuật xe tiêm

	Mô tả cơ bản	Mô tả hình ảnh	Hình ảnh thực tế
Tổng thể xe tiêm	- Xe tiêm 3 tầng có 1 ngăn kéo. - Chất liệu: inox không rỉ - Kích thước: (dài x rộng x cao): 90x50x100 cm. - Đặc điểm: • Mặt khay tiêm bằng inox tấm dày bằng phẳng 0.8mm được chấn gấp bằng máy thủy lực, đường nét sắc sảo, chắn chắn. • Khung xe ống inox phi 25x1 mm • 4 bánh xe đường kính 75 mm, trong đó 2 bánh có khóa. • Xe có 1 ngăn kéo • Các mối hàn được thực hiện bằng công nghệ hàn TIG có khí Ar bảo vệ chống ôxi hóa.	**Tổng thể**  	

Mặt trái xe tiêm	- Vị trí: Gắn tại tầng 3 - Số lượng: 02 hộp • Hộp 1: Kích thước: (dài x rộng x cao): 12x12x14 cm. • Hộp 2: Kích thước: (dài x rộng x cao): 38x20x25 cm.	Mặt trái 	
Mặt phải xe tiêm	- Vị trí: gắn vào tầng 2 - Số lượng : 01 hộp - Kích thước: (dài x rộng x cao): 27x17x14 cm.	Mặt phải 	

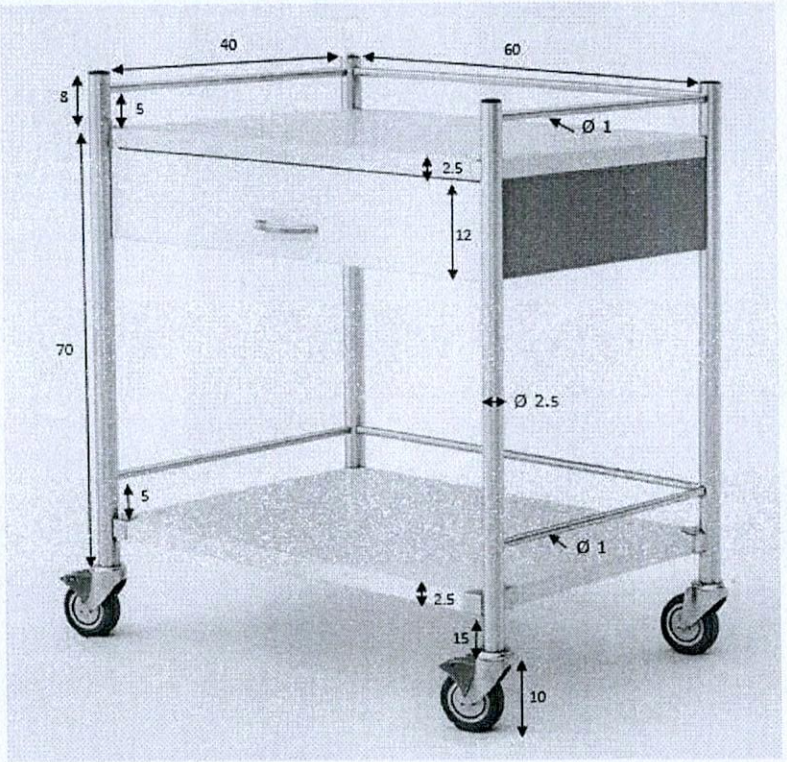
Mặt trước xe tiêm	-Vị trí: gắn tầng 3 -Số lượng: 02 • Hộp 1: Kích thước: (dài x rộng x cao): • 45x25x40cm. • Hộp 2: Kích thước: (dài x rộng x cao): 45x25x40cm.		

Ngăn kéo xe tiêm	-Số lượng: 01 -Trong ngăn kéo chia làm 6 ngăn: • Ngăn trong chia 2 ô, mỗi ô 45 cm • Ngăn ngoài chia 4 ô, mỗi ô 22.5 cm		
Tầng 3	-Vị trí: tầng 1 -Số lượng: 02 hộp -Yêu cầu: mặt phẳng không lỗ - Kích thước: (dài x rộng x cao): 40x30x30cm.		

Bánh xe	- Số lượng: 04 - Yêu cầu: bánh xe có khóa (2 bánh) - Kích thước: cao 10cm		

Mô tả cấu hình - thông số kỹ thuật xe thay băng

Vị trí	Mô tả/thông số	Hình ảnh minh họa
Tổng thể	*** Xe được thiết kế dạng khung mở, cấu trúc chắc chắn, di chuyển linh hoạt. - Chất liệu tổng thể: Inox 304 không gỉ, chống ăn mòn, độ bền cao, dễ vệ sinh - khử khuẩn. - Cấu trúc: Khung ống tròn inox hàn chắc chắn, các góc bo tròn tránh gây chấn thương. - Số tầng: 2 tầng. - Tải trọng và vệ sinh: 30 - 50 kg mỗi tầng, dễ vệ sinh, không góc chết, mối hàn mịn.	
	- Kích thước tổng thể (DxRxC): 60x40x**88** cm (chiều cao đã tính luôn bánh xe và thành chắn tầng trên). *** Chi tiết vật liệu - kỹ thuật: - Khung xe: + Inox 304 dạng ống tròn Ø 2.5 cm sáng bóng, dễ vệ sinh. + Mối hàn TIG/Argon liền mạch, mài bóng, không ba via. - Mặt tầng: gồm 2 tầng: + Khoảng cách giữa 2 tầng: 55 cm + Inox 304 tấm 1.0 mm, uốn cong các cạnh (chấn gấp) xuống 2.5 cm. + Bề mặt phẳng được xử lý chống trầy, sáng bóng. + Thành chắn cao 5 cm chống rơi dụng cụ. - Bánh xe: 4 bánh cao su y tế, chịu lực, xoay 360°, di chuyển êm: + Kích thước: 10 cm. + Trục thép không gỉ, vòng bi chắc chắn. + 2 bánh có khóa chuyên dụng chống trượt.	

	- Phụ kiện kèm theo: + 1 Giỏ Inox dạng khung đặt hai bên hông xe (tổng 2 giỏ) + 1 Ngăn sau chứa dụng cụ chia 2 ngăn nhỏ. + 1 Ngăn kéo ở mặt dưới tầng trên	
Mặt trước	- Tầng trên và tầng dưới là mặt phẳng, sáng bóng, Inox 304 tấm 1.0 mm, uốn cong các cạnh (chấn gấp) xuống 2.5 cm. - Kèm ngăn kéo phía trước (dưới tầng trên), trượt nhẹ, có tay nắm inox: + Kích thước (DxRxC): 60x40x12 cm + Độ dày: tấm Inox 304 0.8mm + Được che bởi 3 bảng chắn (mặt trái – mặt phải – mặt sau) - Thành chắn của tầng trên và tầng dưới (gồm 3 mặt: mặt trái – mặt phải – mặt sau) cao 5 cm, dạng ống tròn Ø 1 cm.	

Mặt trái	- Được bố trí 1 giỏ Inox 304 dạng khung dính bên hông: + Kích thước (DxRxC): 36x25x30 cm, khoảng cách giữa các thanh 10 cm. + Khung Inox dẹt dày 1.2 mm, rộng 1 cm, chịu lực tốt.	
Mặt phải	- Được bố trí 1 giỏ Inox 304 dạng khung dính bên hông: + Kích thước (DxRxC): 36x25x30 cm, khoảng cách giữa các thanh 10 cm. + Khung Inox dẹt dày 1.2 mm, rộng 1 cm, chịu lực tốt.	

Mặt sau	- Gắn thêm 1 ngăn ngoài phía sau xe: + Kích thước ngăn (DxRxC): 60x13x12 cm, trong đó chia làm 2 ngăn nhỏ, kích thước (DxRxC): 30x13x12 cm. + Khung inox dẹt dày 1.2 mm, rộng 1 cm, chịu lực tốt. + Có tấm bảng chắn ở mặt đáy của ngăn dày 0.8 mm.	